



rì guāng

日光

noun · sunlight

Example Sentences

Rì guāng hěn qiáng liè

日光很强烈。

The sunlight is very strong.

Zài rì guāng xià dú shū duì yǎn jīng bù hǎo

在日光下读书对眼睛不好。

Reading in sunlight is bad for the eyes.

Zhí wù xū yào chōng zú de rì guāng cái néng shēng zhǎng

植物需要充足的日光才能生长。

Plants need sufficient sunlight to grow.

Trace each character, then write the word on your own.

日日日日日日日

光光光光光光光光光